

THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ TỰ HỌC CHUYÊN NGÀNH CỜ VUA NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Hải Bằng*

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng về phương pháp dạy học và tự học chuyên ngành Cờ Vua ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.

Từ khóa: Thực trạng, phương pháp, dạy học, nội dung, chương trình, sinh viên, chuyên ngành, Cờ Vua, Đại học TDTT Bắc Ninh.

REALITY OF TEACHING METHODS AND SELF-STUDY OF SPORTS TRAINING FACULTY OF CHESS AT BAC NINH SPORT UNIVERSITY

Summary:

By the common research methods, we have made assessment of the reality of the teaching methods and self-study of the Sports Training Faculty of Chess at Bac Ninh Sport University.

Keyword: Reality, method, teach, content, program, students, major, Chess, Bac Ninh Sport University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự tác động qua lại giữa hoạt động dạy và hoạt động học được phản ánh tập trung trong quá trình tổ chức và điều khiển quá trình dạy học: Giáo viên với hoạt động dạy đóng vai trò tổ chức, điều khiển, chỉ đạo; còn sinh viên với hoạt động học tập, nghiên cứu luôn giữ vai trò chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức của mình. Sự tác động qua lại đó tạo thành chu trình dạy học. Vì vậy, việc xác định thực trạng phương pháp giảng dạy và tự học môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là điều vô cùng cần thiết góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo môn cờ Vua nói riêng, chất lượng đào tạo tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nói chung.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn tọa đàm; phương pháp quan sát sư phạm; phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng về phương pháp dạy học môn Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Một vấn đề quan trọng khi tiến hành xem xét việc giảng dạy của giáo viên đó là về việc sử dụng các phương pháp dạy học trong quá trình truyền thụ kiến thức. Để hiểu rõ vấn đề này chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi (n=15) giáo viên, HLV, cán bộ quản lý giảng dạy môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

*NCS Khóa 2, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh



Phương pháp thực hành đấu tập là 1 trong các phương pháp được đa số các giáo viên sử dụng trong giảng dạy môn Cờ vua cho ngành HLTT (Ảnh minh họa)

Bảng 1. Thực trạng sử dụng các phương pháp giảng dạy môn Cờ Vua ngành HLTT (n=15)

STT	Các phương pháp dạy học	Thường xuyên (%)	Không thường xuyên (%)	Không sử dụng (%)
1	Phương pháp thuyết trình giảng giải	86,7	13,3	0
2	Phương pháp thuyết trình giảng diễn	100	0	0
3	Phương pháp thuyết trình giảng thuật	0	100	0
4	Phương pháp nêu vấn đề	46,7	26,7	20
5	Phương pháp nghiên cứu trường hợp	26,7	40	33,3
6	Phương pháp thực hành đấu tập	80	20	0
7	Phương pháp trực quan	86,7	13,3	0
8	Phương pháp sơ đồ	33,3	20	46,7
9	Phương pháp đóng vai	0	0	100
10	Phương pháp phiếu bài tập	40	46,7	13,3
11	Phương pháp thực hành giải bài tập	53,3	46,7	0
12	Phương pháp làm mẫu	40	26,7	33,3
13	Phương pháp Xêmina	66,7	20	13,3
14	Phương pháp dạy theo kiểu qui nạp	20	26,7	53,3
15	Phương pháp dạy theo chương trình cốt lõi	33,3	33,3	33,3
16	Phương pháp sử dụng mô hình	0	6,7	93,3
17	Phương pháp trò chơi	33,3	26,7	40
18	Phương pháp phân tích các thế cờ điển hình (thế cờ kinh điển)	26,7	26,7	46,7

Kết quả tại bảng 1 cho thấy: 86,7% giảng viên thường xuyên sử dụng phương pháp thuyết trình (giảng giải, 100% sử dụng phương pháp thuyết trình (giảng diễn), chỉ có 46,7% số giảng viên sử dụng phương pháp nêu vấn đề. Đặc biệt trong môn Cờ Vua phương pháp trực quan và phương pháp thực hành đấu tập được đa số các giáo viên sử dụng chiếm trên 80%. Ngoài ra còn một số phương pháp dạy học khác cũng được sử

dụng nhưng không thường xuyên hoặc ít được quan tâm.

2. Ý kiến phản hồi của sinh viên về thực trạng dạy học môn Cờ Vua ngành HLTT

Để xác định kết quả phương pháp dạy học môn Cờ Vua, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên đã tốt nghiệp về quá trình giảng dạy của giảng viên. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Ý kiến phản hồi của sinh viên về việc dạy học môn Cờ Vua ngành HLTT (n = 12)

TT	Câu hỏi phỏng vấn	Tỷ lệ %		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Giảng viên nói rõ, đủ nghe	75	16,6	8,3
2	Nội dung bài giảng giúp bạn hiểu môn học	66,7	25	8,3
3	Bài giảng của giảng viên giúp bạn tìm hiểu, đào sâu suy nghĩ về nội dung môn học	75	8,3	16,6
4	Giảng viên truyền đạt một cách rõ ràng nội dung và các kỹ năng nắm bắt kiến thức	58,3	33,3	8,3
5	Trong quá trình học chuyên ngành tôi luôn mong được lên lớp nghe giảng	58,3	25	16,6
6	Tôi đã học được nhiều trong môn chuyên ngành	83,3	16,6	-
7	Giảng viên liên tục theo dõi và giúp đỡ trong quá trình tiếp cận kiến thức mới	91,7	8,3	-
8	Lý thuyết cơ bản và ví dụ thực hành được giảng viên liên hệ chặt chẽ với nhau	66,7	16,6	16,6
9	Giảng viên luôn đề ý tới việc học của sinh viên	75	8,3	16,6
10	Tôi có thể đưa ra các câu hỏi bất cứ khi nào	66,7	25	8,3
11	Giảng viên biết cách động viên sinh viên hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất	50	25	25
12	Thời gian chữa bài tập được giành nhiều	41,7	16,6	41,7
13	Môn chuyên ngành đã phát huy tối đa khả năng học tập của sinh viên	50	25	16,6
14	Tôi luôn có hứng thú học tập khi học môn chuyên ngành	41,7	33,3	25
15	Bạn cảm thấy môn học căng thẳng vì phương pháp giảng dạy của giảng viên	33,3	33,3	33,3
16	Sinh viên luôn có điều kiện được thảo luận về phương pháp giảng dạy môn chuyên ngành	33,3	41,7	25
17	Bài giảng của giảng viên đã được đầu tư rất nhiều	50	33,3	16,6

Từ kết quả tại bảng 2 cho thấy: 75% sinh viên cho rằng giáo viên nói rõ, đủ nghe (câu 1), có nhiều sinh viên cho rằng họ học được nhiều từ môn chuyên ngành chiếm (83,3%) (câu 6) và sinh viên có thể đưa ra câu hỏi bất cứ lúc nào chiếm (66,7%) (câu 10). Một số sinh viên (75%) thì cho rằng giảng viên luôn đề ý tới việc học của sinh viên (câu 9) và giảng viên biết cách động viên sinh viên hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất (50%) (câu 11). Song một số sinh viên cho rằng Thời gian chữa bài tập chưa được giành nhiều chiếm (41,7%) (câu 12). Như vậy về khâu giảng dạy cũng được sinh viên chấp

thuận nhưng chưa cao (câu 11, 12, 13, 14). Phương pháp giảng dạy của giáo viên (câu 15, 16) vẫn còn sinh viên chưa đồng ý.

3. Thực trạng tự học môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Chúng tôi đã phỏng vấn sinh viên chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT về quá trình tự học môn Chuyên ngành của sinh viên. Kết quả phỏng vấn thu được trình bày tại bảng 3.

**Bảng 3. Thực trạng về tự học môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời	Số ý kiến	%
1	Anh/chị có thích môn chuyên ngành Cờ Vua không?	Rất thích	10	83,3
		Thích	2	16,7
		Không thích	0	0
2	Anh/chị học môn này vì mục đích?	Điểm cao	5	41,7
		Đua tranh	2	16,7
		Nâng cao trình độ chuyên môn	9	75
		Bắt buộc	0	0
3	Thời gian dành cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu của anh/chị diễn ra như thế nào	Hàng ngày đều đặn và có ưu tiên lúc thi, kiểm tra	3	25
		Không đều, tùy theo cảm hứng	1	8,3
		Đến lúc thi hoặc kiểm tra mới chú ý tự học	8	66,7
4	So với các môn thực hành khác, anh/chị dành thời gian cho môn học này như thế nào?	Nhiều hơn	11	91,7
		Ít hơn	0	0
		Bằng nhau	1	8,3
5	Anh/chị tự học, tự nghiên cứu môn này vào thời điểm?	Hàng ngày sau khi học chuyên ngành về	2	16,7
		Trước thi thi/kiểm tra một tháng	6	50
		Trước thi thi/kiểm tra một vài ngày	3	25
		Vào thời điểm khác	1	8,3
6	Anh/chị tự học chuyên ngành ở đâu? (có nhiều phương án lựa chọn)	Tại phòng học ở trường	2	16,7
		Tại nhà	8	66,7
		Trên thư viện	1	8,3
		Học nhà bạn thân	1	8,3
7	Anh/chị có đọc, học bài trước khi lên lớp không?	Thường xuyên	6	50
		Thỉnh thoảng	3	25
		Không	3	25
8	Anh/chị có ôn tập bài cũ không?	Thường xuyên	5	41,7
		Thỉnh thoảng	4	33,3
		Không	3	25
9	Cách anh/chị tự học, tự nghiên cứu như thế nào? (có nhiều phương án lựa chọn)	Làm đề cương	4	33,3
		Học thuộc lòng theo từng bài	2	16,7
		Học theo ý chính	5	41,7
		Học trọng tâm	3	25
		Học theo câu hỏi	6	50
		Học tủ	0	0
		Học sơ lược sau đó học toàn bộ	1	8,3
		Học dàn trải	1	8,3
10	Anh/chị dành thời gian tự học, tự nghiên cứu môn chuyên ngành như thế nào?	Nhiều	7	58,3
		Bình thường	3	25
		Ít	2	16,7
		Không học	0	0
11	Anh/chị có học nhóm không?	Thường xuyên	6	50
		Thỉnh thoảng	4	33,3
		Không	2	16,7
12	Anh/chị có tham khảo các tài liệu chuyên môn không?	Thường xuyên	5	41,7
		Thỉnh thoảng	6	50
		Không	1	8,3
13	Kết quả học tập của anh/chị ảnh hưởng bởi yếu tố nào? (có nhiều phương án)	Môn học này khó	4	33,3
		Thiếu tài liệu học tập	3	25
		Thiếu thời gian tự học	2	16,7
		Ảnh hưởng của các môn thực hành khác tới môn chuyên ngành	5	41,7
		Giảng viên dạy khó hiểu	2	16,7
		Phương pháp giảng dạy nghèo nàn	4	33,3
		Môn học quá dễ	1	8,3
		Chưa có phương pháp, kinh nghiệm học hợp lý	5	41,7
		Hoàn cảnh gia đình khó khăn	4	33,3
		Các nguyên nhân khác	1	8,3

14	Theo anh/chị giảng viên hỏi bài trong quá trình giảng	Cần	4	33,3
		Cần thiết	6	50
		Không cần thiết	2	16,7
15	Giáo viên giảng dạy nghiêm khắc thì anh/chị học như thế nào?	Học nhiều	9	75
		Học ít	2	16,7
		Bình thường	1	8,3
16	Giáo viên giảng dạy dễ dãi thì anh/chị học như thế nào?	Học nhiều	4	33,3
		Học ít	6	50
		Bình thường	2	16,7
17	Nếu giảng viên hay kiểm tra bài cũ thì anh/chị có ôn bài không?	Thường xuyên học	9	75
		Thỉnh thoảng học	3	25
		Không học	0	0
18	Theo Anh/chị việc giáo viên giao bài tập về nhà	Rất cần thiết	10	83,3
		Cần thiết	2	16,7
		Không cần thiết	0	0
19	Theo anh/chị trong giờ xêmina thì hình thức tổ chức nào là cần thiết?	Thảo luận theo nhóm	7	58,3
		Thảo luận cả lớp	5	41,7
20	Theo anh/chị việc đánh giá kết quả thảo luận bằng cách nào là cần thiết?	Nhận xét	6	50
		Cho điểm	4	33,3
		Kiểm tra kiến thức	3	25

Qua bảng 3 cho thấy:

- Kết quả về xác định động cơ học tập của sinh viên chuyên ngành (câu 1, 2). có 83,3% sinh viên rất thích học tập môn chuyên ngành và xuất phát từ việc nâng cao trình độ, số sinh viên học vì điểm chiếm tỷ lệ 41,73%. Không có sinh viên không thích học và học vì bắt buộc.

- Kết quả về yếu tố thời gian và thời lượng tự học, tự nghiên cứu: Số lượng sinh viên tự học trong ngày, sau khi lên lớp về còn ít (chiếm 16,7%), họ chỉ học trước khi thi/kiểm tra vài tuần chiếm 50% và họ thường dành thời gian cho tự học chủ yếu vào buổi tối (trên 66,7%).

- Yếu tố lựa chọn phương pháp học tập được thể hiện số sinh viên chuẩn bị bài mới một cách thường xuyên chiếm (50%) và ôn tập thường xuyên bài cũ chiếm từ 41,7%.

- Cách tổ chức giảng dạy của giảng viên: Nếu giảng viên lên lớp nghiêm khắc thì sinh viên học nhiều (75%) và ngược lại, nếu giảng viên lên lớp dễ dãi thì sinh viên học ít (50%).

Từ kết quả thực trạng tự học môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh của sinh viên chúng tôi có nhận xét sau: Sinh viên đã xác định được mục đích học tập xuất phát từ động cơ học tập đúng đắn, song thời điểm và phương pháp học tập của sinh viên còn chưa hợp lý. Bên cạnh đó, yếu tố như học thực hành, thái độ của giáo viên và cách thức tổ chức giảng dạy đã ảnh hưởng không nhỏ tới ý thức học tập của sinh viên.

KẾT LUẬN

Từ kết quả thực trạng về phương pháp giảng dạy và tự học môn chuyên ngành Cờ Vua của sinh viên ngành HLTT chúng tôi có kết luận sau:

1. Các phương pháp dạy học được giáo viên Cờ Vua thường xuyên sử dụng: 86,7% giảng viên thường xuyên sử dụng phương pháp thuyết trình (giảng giải,

100% sử dụng phương pháp thuyết trình (giảng diễn), chỉ có rất ít 46,7% số giảng viên sử dụng phương pháp nêu vấn đề. Đặc biệt trong môn Cờ Vua phương pháp trực quan và phương pháp thực hành đấu tập được đa số các giáo viên sử dụng chiếm trên 80%.

2. Ý kiến phản hồi của sinh viên về thực trạng dạy học môn Cờ Vua cho thấy: Đa số sinh viên cho rằng giáo viên nói rõ, đủ nghe; sinh viên cho rằng họ học được nhiều từ môn chuyên ngành chiếm (83,3%). Một số sinh viên thì cho rằng giảng viên luôn để ý tới việc học của sinh viên (75%) và giảng viên biết cách động viên sinh viên hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất (50%).

3. Thực trạng tự học môn chuyên ngành Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh: có 83,3% sinh viên rất thích học tập môn chuyên ngành tuy nhiên thời gian và thời lượng tự học trong ngày, sau khi lên lớp về còn ít (chiếm 16,7%), họ chỉ học trước khi thi/kiểm tra vài tuần chiếm 50% và họ thường dành thời gian cho tự học chủ yếu vào buổi tối (trên 66,7%); số sinh viên chuẩn bị bài mới một cách thường xuyên chiếm chưa cao (50%) và ôn tập thường xuyên bài cũ chiếm từ 41,7%. Đặc biệt đa số sinh viên cho rằng nếu giảng viên lên lớp nghiêm khắc thì sinh viên học nhiều (75%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bửu, Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Hiệp (1983), *Lý luận và phương pháp HLTT*, Sở TDTT thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hồng Dương (2015), *Giáo trình Cờ Vua*, Nxb TDTT Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Dương, (2009), *Chương trình môn học Cờ Vua dành cho sinh viên ngành Cờ Vua ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh*, Nxb TDTT.
4. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 27/5/2016, Phản biện ngày 30/5/2016, duyệt in ngày 5/6/2016)